

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN  
SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 529/2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN  
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 05/2019 như sau:

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                                 |                                                | VGC                                             | AAA                                                  |
| 2   | ABT                                                 |                                                | MSH                                             | ABT                                                  |
| 3   | ACC                                                 |                                                | TV2                                             | ACC                                                  |
| 4   | ADS                                                 |                                                |                                                 | ADS                                                  |
| 5   | ANV                                                 |                                                |                                                 | ANV                                                  |
| 6   | APC                                                 |                                                |                                                 | APC                                                  |
| 7   | APG                                                 |                                                |                                                 | APG                                                  |
| 8   | ASM                                                 |                                                |                                                 | ASM                                                  |
| 9   | ASP                                                 |                                                |                                                 | ASP                                                  |
| 10  | AST                                                 |                                                |                                                 | AST                                                  |
| 11  | BBC                                                 |                                                |                                                 | BBC                                                  |
| 12  | BCE                                                 |                                                |                                                 | BCE                                                  |
| 13  | BFC                                                 |                                                |                                                 | BFC                                                  |
| 14  | BIC                                                 |                                                |                                                 | BIC                                                  |
| 15  | BID                                                 |                                                |                                                 | BID                                                  |
| 16  | BMC                                                 |                                                |                                                 | BMC                                                  |
| 17  | BMI                                                 |                                                |                                                 | BMI                                                  |
| 18  | BMP                                                 |                                                |                                                 | BMP                                                  |
| 19  | BRC                                                 |                                                |                                                 | BRC                                                  |
| 20  | BSI                                                 |                                                |                                                 | BSI                                                  |
| 21  | BTP                                                 |                                                |                                                 | BTP                                                  |
| 22  | BTT                                                 |                                                |                                                 | BTT                                                  |
| 23  | BVH                                                 |                                                |                                                 | BVH                                                  |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>kỳ quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ<br>sung vào danh mục<br>trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>kỳ quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 24  | BWE                                                       |                                                      |                                                       | BWE                                                        |
| 25  | C32                                                       |                                                      |                                                       | C32                                                        |
| 26  | CAV                                                       |                                                      |                                                       | CAV                                                        |
| 27  | CDC                                                       |                                                      |                                                       | CDC                                                        |
| 28  | CEE                                                       |                                                      |                                                       | CEE                                                        |
| 29  | CHP                                                       |                                                      |                                                       | CHP                                                        |
| 30  | CII                                                       |                                                      |                                                       | CII                                                        |
| 31  | CLC                                                       |                                                      |                                                       | CLC                                                        |
| 32  | CLL                                                       |                                                      |                                                       | CLL                                                        |
| 33  | CMG                                                       |                                                      |                                                       | CMG                                                        |
| 34  | CNG                                                       |                                                      |                                                       | CNG                                                        |
| 35  | COM                                                       |                                                      |                                                       | COM                                                        |
| 36  | CRC                                                       |                                                      |                                                       | CRC                                                        |
| 37  | CSM                                                       |                                                      |                                                       | CSM                                                        |
| 38  | CSV                                                       |                                                      |                                                       | CSV                                                        |
| 39  | CTD                                                       |                                                      |                                                       | CTD                                                        |
| 40  | CTG                                                       |                                                      |                                                       | CTG                                                        |
| 41  | CTI                                                       |                                                      |                                                       | CTI                                                        |
| 42  | CTS                                                       |                                                      |                                                       | CTS                                                        |
| 43  | CVT                                                       |                                                      |                                                       | CVT                                                        |
| 44  | D2D                                                       |                                                      |                                                       | D2D                                                        |
| 45  | DAH                                                       |                                                      |                                                       | DAH                                                        |
| 46  | DBD                                                       |                                                      |                                                       | DBD                                                        |
| 47  | DCL                                                       |                                                      |                                                       | DCL                                                        |
| 48  | DCM                                                       |                                                      |                                                       | DCM                                                        |
| 49  | DGW                                                       |                                                      |                                                       | DGW                                                        |
| 50  | DHA                                                       |                                                      |                                                       | DHA                                                        |
| 51  | DHC                                                       |                                                      |                                                       | DHC                                                        |
| 52  | DHG                                                       |                                                      |                                                       | DHG                                                        |
| 53  | DHM                                                       |                                                      |                                                       | DHM                                                        |
| 54  | DIC                                                       |                                                      |                                                       | DIC                                                        |
| 55  | DIG                                                       |                                                      |                                                       | DIG                                                        |
| 56  | DLG                                                       |                                                      |                                                       | DLG                                                        |
| 57  | DMC                                                       |                                                      |                                                       | DMC                                                        |
| 58  | DPG                                                       |                                                      |                                                       | DPG                                                        |
| 59  | DPM                                                       |                                                      |                                                       | DPM                                                        |
| 60  | DPR                                                       |                                                      |                                                       | DPR                                                        |
| 61  | DQC                                                       |                                                      |                                                       | DQC                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ<br>sung vào danh mục<br>trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 62  | DRC                                                       |                                                      |                                                       | DRC                                                        |
| 63  | DRH                                                       |                                                      |                                                       | DRH                                                        |
| 64  | DRL                                                       |                                                      |                                                       | DRL                                                        |
| 65  | DSN                                                       |                                                      |                                                       | DSN                                                        |
| 66  | DTA                                                       |                                                      |                                                       | DTA                                                        |
| 67  | DVP                                                       |                                                      |                                                       | DVP                                                        |
| 68  | DXG                                                       |                                                      |                                                       | DXG                                                        |
| 69  | EIB                                                       |                                                      |                                                       | EIB                                                        |
| 70  | ELC                                                       |                                                      |                                                       | ELC                                                        |
| 71  | EVE                                                       |                                                      |                                                       | EVE                                                        |
| 72  | EVG                                                       |                                                      |                                                       | EVG                                                        |
| 73  | FCM                                                       |                                                      |                                                       | FCM                                                        |
| 74  | FCN                                                       |                                                      |                                                       | FCN                                                        |
| 75  | FIT                                                       |                                                      |                                                       | FIT                                                        |
| 76  | FLC                                                       |                                                      |                                                       | FLC                                                        |
| 77  | FMC                                                       |                                                      |                                                       | FMC                                                        |
| 78  | FPT                                                       |                                                      |                                                       | FPT                                                        |
| 79  | FRT                                                       |                                                      |                                                       | FRT                                                        |
| 80  | FTM                                                       |                                                      |                                                       | FTM                                                        |
| 81  | FTS                                                       |                                                      |                                                       | FTS                                                        |
| 82  | GAS                                                       |                                                      |                                                       | GAS                                                        |
| 83  | GDT                                                       |                                                      |                                                       | GDT                                                        |
| 84  | GEX                                                       |                                                      |                                                       | GEX                                                        |
| 85  | GMC                                                       |                                                      |                                                       | GMC                                                        |
| 86  | GMD                                                       |                                                      |                                                       | GMD                                                        |
| 87  | GSP                                                       |                                                      |                                                       | GSP                                                        |
| 88  | GTN                                                       |                                                      |                                                       | GTN                                                        |
| 89  | HAH                                                       |                                                      |                                                       | HAH                                                        |
| 90  | HAP                                                       |                                                      |                                                       | HAP                                                        |
| 91  | HAR                                                       |                                                      |                                                       | HAR                                                        |
| 92  | HAX                                                       |                                                      |                                                       | HAX                                                        |
| 93  | HBC                                                       |                                                      |                                                       | HBC                                                        |
| 94  | HCD                                                       |                                                      |                                                       | HCD                                                        |
| 95  | HCM                                                       |                                                      |                                                       | HCM                                                        |
| 96  | HDB                                                       |                                                      |                                                       | HDB                                                        |
| 97  | HDC                                                       |                                                      |                                                       | HDC                                                        |
| 98  | HDG                                                       |                                                      |                                                       | HDG                                                        |
| 99  | HHS                                                       |                                                      |                                                       | HHS                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 100 | HII                                                 |                                                |                                                 | HII                                                  |
| 101 | HPG                                                 |                                                |                                                 | HPG                                                  |
| 102 | HPX                                                 |                                                |                                                 | HPX                                                  |
| 103 | HQC                                                 |                                                |                                                 | HQC                                                  |
| 104 | HSG                                                 |                                                |                                                 | HSG                                                  |
| 105 | HSL                                                 |                                                |                                                 | HSL                                                  |
| 106 | HT1                                                 |                                                |                                                 | HT1                                                  |
| 107 | HTI                                                 |                                                |                                                 | HTI                                                  |
| 108 | HTL                                                 |                                                |                                                 | HTL                                                  |
| 109 | HTV                                                 |                                                |                                                 | HTV                                                  |
| 110 | HU3                                                 |                                                |                                                 | HU3                                                  |
| 111 | IBC                                                 |                                                |                                                 | IBC                                                  |
| 112 | IDI                                                 |                                                |                                                 | IDI                                                  |
| 113 | IJC                                                 |                                                |                                                 | IJC                                                  |
| 114 | IMP                                                 |                                                |                                                 | IMP                                                  |
| 115 | ITA                                                 |                                                |                                                 | ITA                                                  |
| 116 | ITC                                                 |                                                |                                                 | ITC                                                  |
| 117 | ITD                                                 |                                                |                                                 | ITD                                                  |
| 118 | KBC                                                 |                                                |                                                 | KBC                                                  |
| 119 | KDC                                                 |                                                |                                                 | KDC                                                  |
| 120 | KDH                                                 |                                                |                                                 | KDH                                                  |
| 121 | KHP                                                 |                                                |                                                 | KHP                                                  |
| 122 | KMR                                                 |                                                |                                                 | KMR                                                  |
| 123 | KSB                                                 |                                                |                                                 | KSB                                                  |
| 124 | L10                                                 |                                                |                                                 | L10                                                  |
| 125 | LBM                                                 |                                                |                                                 | LBM                                                  |
| 126 | LCG                                                 |                                                |                                                 | LCG                                                  |
| 127 | LDG                                                 |                                                |                                                 | LDG                                                  |
| 128 | LGC                                                 |                                                |                                                 | LGC                                                  |
| 129 | LGL                                                 |                                                |                                                 | LGL                                                  |
| 130 | LHG                                                 |                                                |                                                 | LHG                                                  |
| 131 | LIX                                                 |                                                |                                                 | LIX                                                  |
| 132 | LM8                                                 |                                                |                                                 | LM8                                                  |
| 133 | LMH                                                 |                                                |                                                 | LMH                                                  |
| 134 | MBB                                                 |                                                |                                                 | MBB                                                  |
| 135 | MCP                                                 |                                                |                                                 | MCP                                                  |
| 136 | MDG                                                 |                                                |                                                 | MDG                                                  |
| 137 | MHC                                                 |                                                |                                                 | MHC                                                  |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ<br>sung vào danh mục<br>trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 138 | MSN                                                       |                                                      |                                                       | MSH                                                        |
| 139 | MWG                                                       |                                                      |                                                       | MSN                                                        |
| 140 | NAF                                                       |                                                      |                                                       | MWG                                                        |
| 141 | NBB                                                       |                                                      |                                                       | NAF                                                        |
| 142 | NKG                                                       |                                                      |                                                       | NBB                                                        |
| 143 | NLG                                                       |                                                      |                                                       | NKG                                                        |
| 144 | NNC                                                       |                                                      |                                                       | NLG                                                        |
| 145 | NSC                                                       |                                                      |                                                       | NNC                                                        |
| 146 | NT2                                                       |                                                      |                                                       | NSC                                                        |
| 147 | NTL                                                       |                                                      |                                                       | NT2                                                        |
| 148 | NVL                                                       |                                                      |                                                       | NTL                                                        |
| 149 | OPC                                                       |                                                      |                                                       | NVL                                                        |
| 150 | PAC                                                       |                                                      |                                                       | OPC                                                        |
| 151 | PAN                                                       |                                                      |                                                       | PAC                                                        |
| 152 | PC1                                                       |                                                      |                                                       | PAN                                                        |
| 153 | PDN                                                       |                                                      |                                                       | PC1                                                        |
| 154 | PDR                                                       |                                                      |                                                       | PDN                                                        |
| 155 | PET                                                       |                                                      |                                                       | PDR                                                        |
| 156 | PGC                                                       |                                                      |                                                       | PET                                                        |
| 157 | PGD                                                       |                                                      |                                                       | PGC                                                        |
| 158 | PGI                                                       |                                                      |                                                       | PGD                                                        |
| 159 | PHR                                                       |                                                      |                                                       | PGI                                                        |
| 160 | PJT                                                       |                                                      |                                                       | PHR                                                        |
| 161 | PLP                                                       |                                                      |                                                       | PJT                                                        |
| 162 | PLX                                                       |                                                      |                                                       | PLP                                                        |
| 163 | PME                                                       |                                                      |                                                       | PLX                                                        |
| 164 | PNJ                                                       |                                                      |                                                       | PME                                                        |
| 165 | POM                                                       |                                                      |                                                       | PNJ                                                        |
| 166 | PPC                                                       |                                                      |                                                       | POM                                                        |
| 167 | PTB                                                       |                                                      |                                                       | PPC                                                        |
| 168 | PVD                                                       |                                                      |                                                       | PTB                                                        |
| 169 | PVT                                                       |                                                      |                                                       | PVD                                                        |
| 170 | QBS                                                       |                                                      |                                                       | PVT                                                        |
| 171 | RAL                                                       |                                                      |                                                       | QBS                                                        |
| 172 | RDP                                                       |                                                      |                                                       | RAL                                                        |
| 173 | REE                                                       |                                                      |                                                       | RDP                                                        |
| 174 | ROS                                                       |                                                      |                                                       | REE                                                        |
| 175 | S4A                                                       |                                                      |                                                       | ROS                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>kỳ quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ<br>sung vào danh mục<br>trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>kỳ quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 176 | SAB                                                       |                                                      |                                                       | S4A                                                        |
| 177 | SAM                                                       |                                                      |                                                       | SAB                                                        |
| 178 | SBA                                                       |                                                      |                                                       | SAM                                                        |
| 179 | SBT                                                       |                                                      |                                                       | SBA                                                        |
| 180 | SC5                                                       |                                                      |                                                       | SBT                                                        |
| 181 | SCD                                                       |                                                      |                                                       | SC5                                                        |
| 182 | SCR                                                       |                                                      |                                                       | SCD                                                        |
| 183 | SCS                                                       |                                                      |                                                       | SCR                                                        |
| 184 | SFC                                                       |                                                      |                                                       | SCS                                                        |
| 185 | SFG                                                       |                                                      |                                                       | SFC                                                        |
| 186 | SFI                                                       |                                                      |                                                       | SFG                                                        |
| 187 | SHA                                                       |                                                      |                                                       | SFI                                                        |
| 188 | SHI                                                       |                                                      |                                                       | SHA                                                        |
| 189 | SHP                                                       |                                                      |                                                       | SHI                                                        |
| 190 | SII                                                       |                                                      |                                                       | SHP                                                        |
| 191 | SJD                                                       |                                                      |                                                       | SII                                                        |
| 192 | SJF                                                       |                                                      |                                                       | SJD                                                        |
| 193 | SJS                                                       |                                                      |                                                       | SJF                                                        |
| 194 | SKG                                                       |                                                      |                                                       | SJS                                                        |
| 195 | SMB                                                       |                                                      |                                                       | SKG                                                        |
| 196 | SMC                                                       |                                                      |                                                       | SMB                                                        |
| 197 | SPM                                                       |                                                      |                                                       | SMC                                                        |
| 198 | SRC                                                       |                                                      |                                                       | SPM                                                        |
| 199 | SRF                                                       |                                                      |                                                       | SRC                                                        |
| 200 | SSC                                                       |                                                      |                                                       | SRF                                                        |
| 201 | SSI                                                       |                                                      |                                                       | SSC                                                        |
| 202 | ST8                                                       |                                                      |                                                       | SSI                                                        |
| 203 | STB                                                       |                                                      |                                                       | ST8                                                        |
| 204 | STG                                                       |                                                      |                                                       | STB                                                        |
| 205 | STK                                                       |                                                      |                                                       | STG                                                        |
| 206 | SVC                                                       |                                                      |                                                       | STK                                                        |
| 207 | SVI                                                       |                                                      |                                                       | SVC                                                        |
| 208 | SZL                                                       |                                                      |                                                       | SVI                                                        |
| 209 | TAC                                                       |                                                      |                                                       | SZL                                                        |
| 210 | TBC                                                       |                                                      |                                                       | TAC                                                        |
| 211 | TCB                                                       |                                                      |                                                       | TBC                                                        |
| 212 | TCD                                                       |                                                      |                                                       | TCB                                                        |
| 213 | TCH                                                       |                                                      |                                                       | TCD                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 214 | TCL                                                 |                                                |                                                 | TCH                                                  |
| 215 | TCM                                                 |                                                |                                                 | TCL                                                  |
| 216 | TCO                                                 |                                                |                                                 | TCM                                                  |
| 217 | TCT                                                 |                                                |                                                 | TCO                                                  |
| 218 | TDC                                                 |                                                |                                                 | TCT                                                  |
| 219 | TDG                                                 |                                                |                                                 | TDC                                                  |
| 220 | TDH                                                 |                                                |                                                 | TDG                                                  |
| 221 | TDW                                                 |                                                |                                                 | TDH                                                  |
| 222 | TEG                                                 |                                                |                                                 | TDW                                                  |
| 223 | THG                                                 |                                                |                                                 | TEG                                                  |
| 224 | THI                                                 |                                                |                                                 | THG                                                  |
| 225 | TIP                                                 |                                                |                                                 | THI                                                  |
| 226 | TLD                                                 |                                                |                                                 | TIP                                                  |
| 227 | TLH                                                 |                                                |                                                 | TLD                                                  |
| 228 | TMP                                                 |                                                |                                                 | TLH                                                  |
| 229 | TMS                                                 |                                                |                                                 | TMP                                                  |
| 230 | TMT                                                 |                                                |                                                 | TMS                                                  |
| 231 | TNA                                                 |                                                |                                                 | TMT                                                  |
| 232 | TNC                                                 |                                                |                                                 | TNA                                                  |
| 233 | TNI                                                 |                                                |                                                 | TNC                                                  |
| 234 | TPB                                                 |                                                |                                                 | TNI                                                  |
| 235 | TPC                                                 |                                                |                                                 | TPB                                                  |
| 236 | TRA                                                 |                                                |                                                 | TPC                                                  |
| 237 | TRC                                                 |                                                |                                                 | TRA                                                  |
| 238 | TTB                                                 |                                                |                                                 | TRC                                                  |
| 239 | TVS                                                 |                                                |                                                 | TTB                                                  |
| 240 | TVT                                                 |                                                |                                                 | TV2                                                  |
| 241 | TYA                                                 |                                                |                                                 | TVS                                                  |
| 242 | UIC                                                 |                                                |                                                 | TVT                                                  |
| 243 | VAF                                                 |                                                |                                                 | TYA                                                  |
| 244 | VCB                                                 |                                                |                                                 | UIC                                                  |
| 245 | VCI                                                 |                                                |                                                 | VAF                                                  |
| 246 | VDP                                                 |                                                |                                                 | VCB                                                  |
| 247 | VDS                                                 |                                                |                                                 | VCI                                                  |
| 248 | VFG                                                 |                                                |                                                 | VDP                                                  |
| 249 | VHC                                                 |                                                |                                                 | VDS                                                  |
| 250 | VHM                                                 |                                                |                                                 | VFG                                                  |
| 251 | VIC                                                 |                                                |                                                 | VGC                                                  |



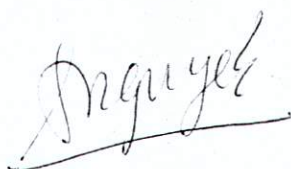
| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 252 | VIP                                                 |                                                |                                                 | VHC                                                  |
| 253 | VJC                                                 |                                                |                                                 | VHM                                                  |
| 254 | VMD                                                 |                                                |                                                 | VIC                                                  |
| 255 | VND                                                 |                                                |                                                 | VIP                                                  |
| 256 | VNE                                                 |                                                |                                                 | VJC                                                  |
| 257 | VNL                                                 |                                                |                                                 | VMD                                                  |
| 258 | VNM                                                 |                                                |                                                 | VND                                                  |
| 259 | VNS                                                 |                                                |                                                 | VNE                                                  |
| 260 | VPB                                                 |                                                |                                                 | VNL                                                  |
| 261 | VPH                                                 |                                                |                                                 | VNM                                                  |
| 262 | VPI                                                 |                                                |                                                 | VNS                                                  |
| 263 | VPS                                                 |                                                |                                                 | VPB                                                  |
| 264 | VRC                                                 |                                                |                                                 | VPH                                                  |
| 265 | VRE                                                 |                                                |                                                 | VPI                                                  |
| 266 | VSC                                                 |                                                |                                                 | VPS                                                  |
| 267 | VSI                                                 |                                                |                                                 | VRC                                                  |
| 268 | VTO                                                 |                                                |                                                 | VRE                                                  |
| 269 | YBM                                                 |                                                |                                                 | VSC                                                  |
| 270 | YEG                                                 |                                                |                                                 | VSI                                                  |
| 271 |                                                     |                                                |                                                 | VTO                                                  |
| 272 |                                                     |                                                |                                                 | YBM                                                  |
| 273 |                                                     |                                                |                                                 | YEG                                                  |

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 05/2019 là <http://www.shs.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

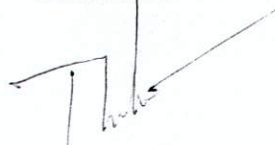
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiền



TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiến